

Số: 18/2023/QĐST-HNGĐ

VB, ngày 23 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Q, xã VP, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Xóm A, Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Bùi Tuấn M; nơi cư trú: Xóm Q, xã VP, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2023,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Tuấn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Tuấn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Tuấn M có 02 con chung là Bùi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12-6-2014 và Bùi Thị Ngọc B, sinh ngày 11-9-2016.

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận: Anh M trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Bùi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12-6-2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp dưỡng nuôi con Bùi Thị Ngọc B, sinh ngày 11-9-2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Tuấn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N nhận chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002492 ngày 27-02-2023. Chị N đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện VB;
- TAND TP Hải Phòng;
- UBND xã VP, huyện VB thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**

